ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4981 /QĐ-UBND	*An Giang, ngày 05 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp Dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao và Ủy ban nhân dân cấp xã, áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 385/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 310/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 309/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Thông tư số 14/2026/TT-BTP ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Thông tư số 13/2026/TT-BTP ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số nội dung về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2841/QĐ-BVHTTDL ngày 22 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 6344/TTr-SVHTT ngày 28 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) đủ điều kiện cung cấp Dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang (với Cấp tỉnh 114 TTHC đủ điều kiện cung cấp DVCTT toàn trình, 15 TTHC đủ điều kiện cung cấp DVCTT một phần. Cấp xã: 11 TTHC đủ điều kiện cung cấp DVCTT toàn trình, 02 TTHC đủ điều kiện cung cấp DVCTT một phần) gồm có:

1. Phụ lục I: Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp Dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần cấp tỉnh.

2. Phụ lục II: Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp Dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần cấp xã.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai cập nhật danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện để thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần lên Cổng Dịch vụ công quốc gia và các hệ thống có liên quan, bảo đảm các yêu cầu công khai, chuẩn hóa.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - BTP;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Viễn thông An Giang (VNPT);
- Các Phòng, Ban, Trung tâm thuộc VP;
- Lưu: VT, htbmai.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Phong

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH, MỘT PHẦN CẤP TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 4981 */QĐ-UBND, ngày 05 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	**LĨNH VỰC BÁO CHÍ**		
1	1.009374	Cấp giấy phép xuất bản bản tin	Toàn trình
2	1.009386	Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin	Toàn trình
3	1.013781	Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí in, giấy phép hoạt động báo chí điện tử đối với cơ quan báo chí của địa phương	Toàn trình
4	1.013782	Cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	Toàn trình
5	1.013784	Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	Toàn trình
6	1.013785	Cấp giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	Toàn trình
7	1.013788	Cấp giấy phép xuất bản đặc san đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của địa phương	Toàn trình
8	1.013790	Đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu	Toàn trình
9	1.013789	Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản đặc san đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của địa phương	Toàn trình
10	3.000574	Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử đối với cơ quan báo chí của địa phương	Toàn trình
11	1.116487	Cấp giấy phép hoạt động của cơ sở kinh doanh dịch vụ phát hành báo chí nhập khẩu đối với cơ quan báo chí của địa phương	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
12	3.000575	Chấp thuận thay đổi biểu tượng ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước (cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh)	Toàn trình
13	1.116208	Chấp thuận thay đổi biểu tượng ghi trong giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình (cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh)	Toàn trình
14	2.001765	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Toàn trình
15	1.003384	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Toàn trình
II	**LĨNH VỰC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ**		
1	1.003801	Cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan	Toàn trình
III	**LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA**		
1	1.001106	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật	Toàn trình
2	1.001123	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật	Toàn trình
3	1.001822	Cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	Toàn trình
4	1.002003	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	Toàn trình
5	1.003738	Cấp Chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật	Toàn trình
6	1.003793	Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Toàn trình
7	1.003838	Cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	Toàn trình
8	1.003901	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	Toàn trình
9	1.013456	Cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Toàn trình
10	1.013801	Cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản tư liệu (địa phương)	Toàn trình
11	1.014217	Lấy ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực bảo vệ di tích, di	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
		sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	
12	1.014218	Lấy ý kiến đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới có khả năng tác động tiêu cực đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	Toàn trình
13	1.014608	Cấp Giấy chứng nhận chuyên gia giám định di vật, cổ vật	Toàn trình
14	1.014611	Cấp giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật	Toàn trình
15	1.014609	Cấp lại Giấy chứng nhận chuyên gia giám định di vật, cổ vật	Toàn trình
16	1.014615	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh di vật, cổ vật	Toàn trình
17	1.014614	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh di vật, cổ vật	Toàn trình
18	1.014612	Cấp giấy phép làm bản sao di sản tư liệu được ghi vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu (cấp tỉnh)	Toàn trình
19	1.014613	Cấp lại giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Toàn trình
20	1.014610	Bồi hoàn chi phí thực hiện việc đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước (cấp tỉnh)	Toàn trình
21	1.014616	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật	Toàn trình
22	2.001591	Cấp phép khai quật khảo cổ khẩn cấp	Toàn trình
23	2.001641	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	Toàn trình
24	2.001631	Đăng ký di vật, cổ vật	Toàn trình
IV	**LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH**		
1	1.011452	Cấp Giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim tại Việt Nam	Toàn trình
2	1.011454	Cấp Giấy phép phân loại phim (cấp tỉnh)	Toàn trình
V	**LĨNH VỰC GIA ĐÌNH**		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
1	1.012081	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Toàn trình
2	1.012082	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Toàn trình
3	1.012080	Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Toàn trình
VI	**LĨNH VỰC HỢP TÁC QUỐC TẾ**		
1	1.001082	Cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Toàn trình
2	1.001091	Gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Toàn trình
3	1.006412	Cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Toàn trình
VII	**LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM**		
1	1.001147	Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Toàn trình
2	1.001229	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	Toàn trình
3	1.001211	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Toàn trình
4	1.001704	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)	Toàn trình
5	1.001738	Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc	Toàn trình
6	1.001755	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	Toàn trình
7	1.001778	Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	Toàn trình
8	1.001671	Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
9	1.001809	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Toàn trình
10	1.001833	Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình
11	2.001496	Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu nhằm mục đích kinh doanh	Toàn trình
VIII	**LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN**		
1	1.009397	Tổ chức biểu diễn nghệ thuật	Toàn trình
2	1.009403	Ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	Toàn trình
3	1.009398	Tổ chức cuộc thi, liên hoan	Toàn trình
4	1.009399	Tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	Toàn trình
IX	**LĨNH VỰC QUẢNG CÁO**		
1	1.004645	Thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	Toàn trình
2	1.004650	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	Toàn trình
X	**LĨNH VỰC THÔNG TIN ĐIỆN TỬ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**		
1	1.004104	Công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình	Toàn trình
2	1.004233	Gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Toàn trình
3	1.004321	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Toàn trình
4	1.002001	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Toàn trình
5	1.001976	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Toàn trình
6	1.004250	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	Toàn trình
7	1.004508	Cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Toàn trình
8	1.005452	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Toàn trình
9	2.001098	Cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
10	2.001091	Gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Toàn trình
11	2.001168	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Toàn trình
12	2.001169	Gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Toàn trình
13	2.002738	Gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Toàn trình
14	2.002739	Sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Toàn trình
15	2.002773	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Toàn trình
16	2.002772	Cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Toàn trình
XI	**LĨNH VỰC XUẤT BẢN**		
1	1.003868	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Toàn trình
2	1.013699	Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Toàn trình
3	1.013698	Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Toàn trình
XII	**LĨNH VỰC IN**		
1	2.001564	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (địa phương)	Toàn trình
2	2.001584	Cấp lại Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Toàn trình
3	2.001594	Cấp Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Toàn trình
4	2.001737	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh)	Toàn trình
5	2.001740	Xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh)	Toàn trình
XIII	**LĨNH VỰC PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM**		
1	1.003483	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	Toàn trình
XIV	**LĨNH VỰC QUẢN LÝ HÀNG HÓA QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH VĂN HÓA**		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
1	1.003784	Thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Toàn trình
XV	**LĨNH VỰC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI**		
1	1.003888	Trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	Toàn trình
XVI	**LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO**		
1	1.000560	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	Toàn trình
2	1.000544	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	Toàn trình
3	1.000485	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	Toàn trình
4	1.000883	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	Toàn trình
5	1.000904	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	Toàn trình
6	1.000842	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	Toàn trình
7	1.000830	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Diều bay	Toàn trình
8	1.001195	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	Toàn trình
9	1.001056	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	Toàn trình
10	1.001213	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	Toàn trình
11	1.001517	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	Toàn trình
12	1.001801	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	Toàn trình
13	1.001782	Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Toàn trình
14	1.002013	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	Toàn trình
15	1.002022	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
16	1.002396	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	Toàn trình
17	1.002445	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Toàn trình
18	1.005162	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	Toàn trình
19	1.005357	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	Toàn trình
20	2.002188	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	Toàn trình
XVII	**LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ**		
1	1.003676	Đăng ký tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Toàn trình
2	1.003654	Thông báo tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Toàn trình

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	**LĨNH VỰC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ**		
1	1.003780	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan	Một phần (theo điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)
II	**LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH**		
1	2.002897	Phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị không phát sinh doanh thu (cấp tỉnh)	Một phần (theo điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)
2	2.002898	Phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị có phát sinh doanh thu (cấp tỉnh)	Một phần (theo điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
III	**LĨNH VỰC QUẢN LÝ HÀNG HÓA QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH VĂN HÓA**		
1	1.003560	Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu	Một phần (theo điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)
2	1.003743	Kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu	Một phần (theo điểm a khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)
IV	**LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO**		
1	1.000983	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Một phần (theo điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)
2	1.003441	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	Một phần (theo điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)
V	**LĨNH VỰC VĂN HỌC**		
1	2.002839	Lựa chọn đề cương để hỗ trợ viết, sáng tác tác phẩm văn học (cấp tỉnh)	Một phần (theo điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)
2	2.002840	Hỗ trợ sáng tác tác phẩm văn học (cấp tỉnh)	Một phần (theo điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)
VI	**LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**		
1	1.000871	Xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật	Một phần (theo điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)
2	1.000564	Xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật	Một phần (theo điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
3	1.001376	Xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ nhân dân" (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	Một phần (theo điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)
4	1.001108	Xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ ưu tú" (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	Một phần (theo điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)
5	1.001032	Xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Một phần (theo điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)
6	1.000971	Xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Một phần (theo điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)

Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH, MỘT PHẦN CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	**LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA**		
1	1.014312	Thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Toàn trình
2	1.014310	Hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Toàn trình
II	**LĨNH VỰC GIA ĐÌNH**		
1	1.012084	Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân	Toàn trình
2	1.012085	Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	Toàn trình
III	**LĨNH VỰC THÔNG TIN ĐIỆN TỬ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**		
1	1.013793	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
IV	**LĨNH VỰC IN**		
1	3.000569	Xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp xã)	Toàn trình
2	3.000570	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp xã)	Toàn trình
V	**LĨNH VỰC PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM**		
1	3.000576	Khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Toàn trình
VI	**LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO**		
1	2.000794	Công nhận câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở	Toàn trình
VII	**LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ**		
1	1.013791	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	Toàn trình
2	1.003622	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Toàn trình

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	**LĨNH VỰC THÔNG TIN ĐIỆN TỬ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**		
1	1.013794	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Một phần (theo điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)
2	1.013792	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Một phần (theo điểm c khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)